FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	20,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**-8.6%**	**-**

DT thuần

2024

65.9 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 10.9
▼ 14.2%

LN gộp

2024

10.1 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2.80
▼ 22.1%

LN thuần

2024

1.58 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 2.34
▼ 59.7%

LN sau thuế

2024

0.99 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 1.99
▼ 66.6%

ROE

2024

4.2%

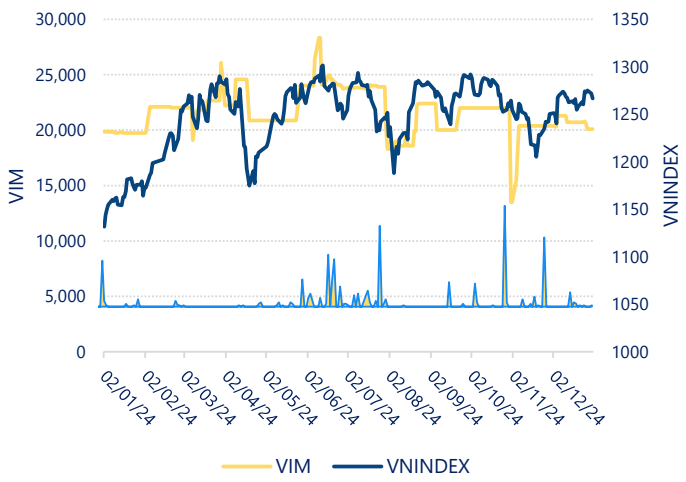
+/- YoY
▼ 8.0%

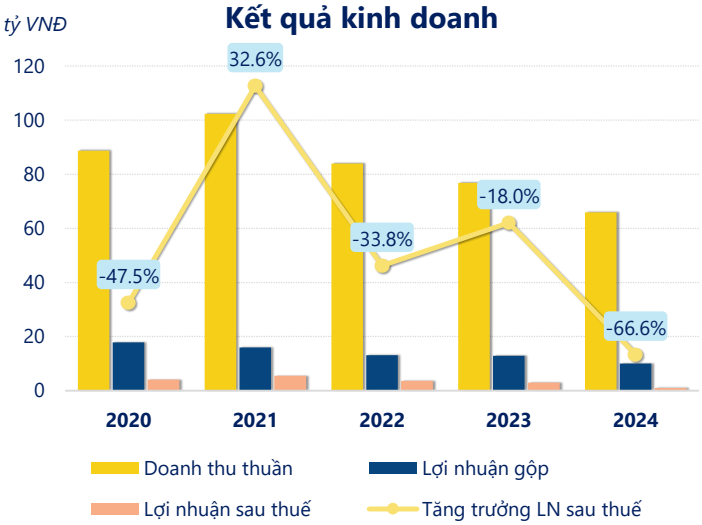
ROA

2024

2.1%

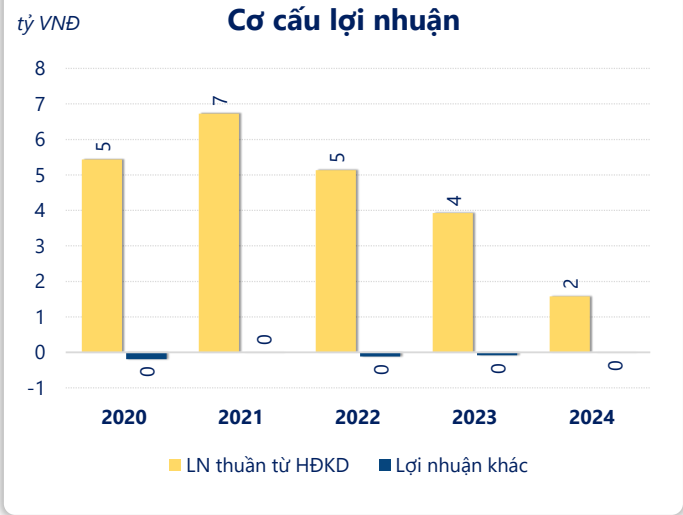
+/- YoY
▼ 4.5%

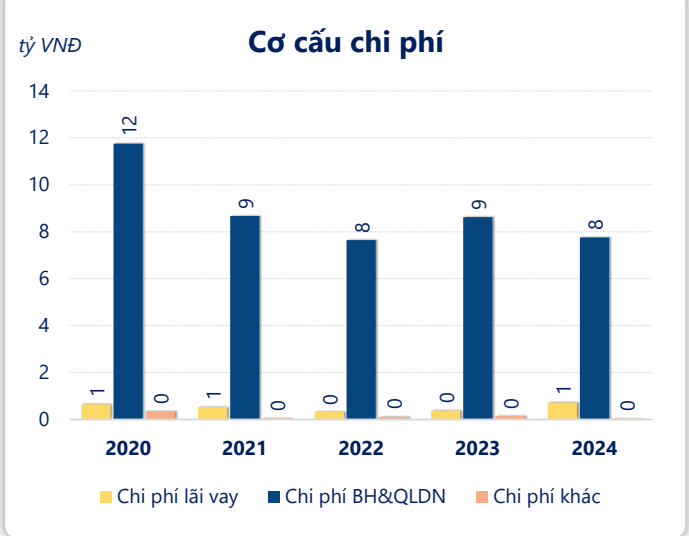




Năm **2024**, **VIM** ghi nhận doanh thu thuần **65.89** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **0.99** tỷ đồng, lần lượt **giảm 14.2%** và **giảm 66.6%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.19%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

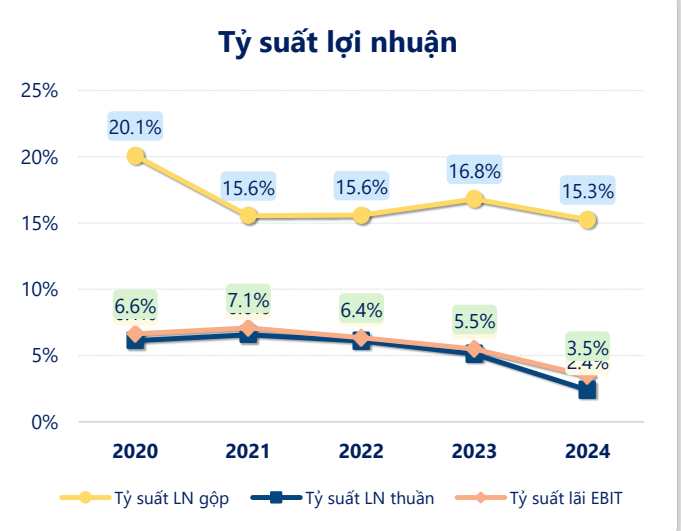


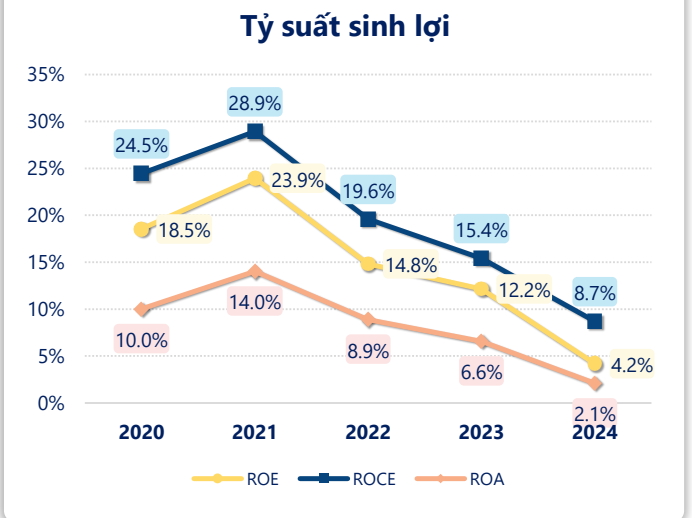


Năm **2024**, **VIM** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1.58** tỷ đồng, **giảm đi 2.34** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (4.56 tỷ đồng) là 2.98 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

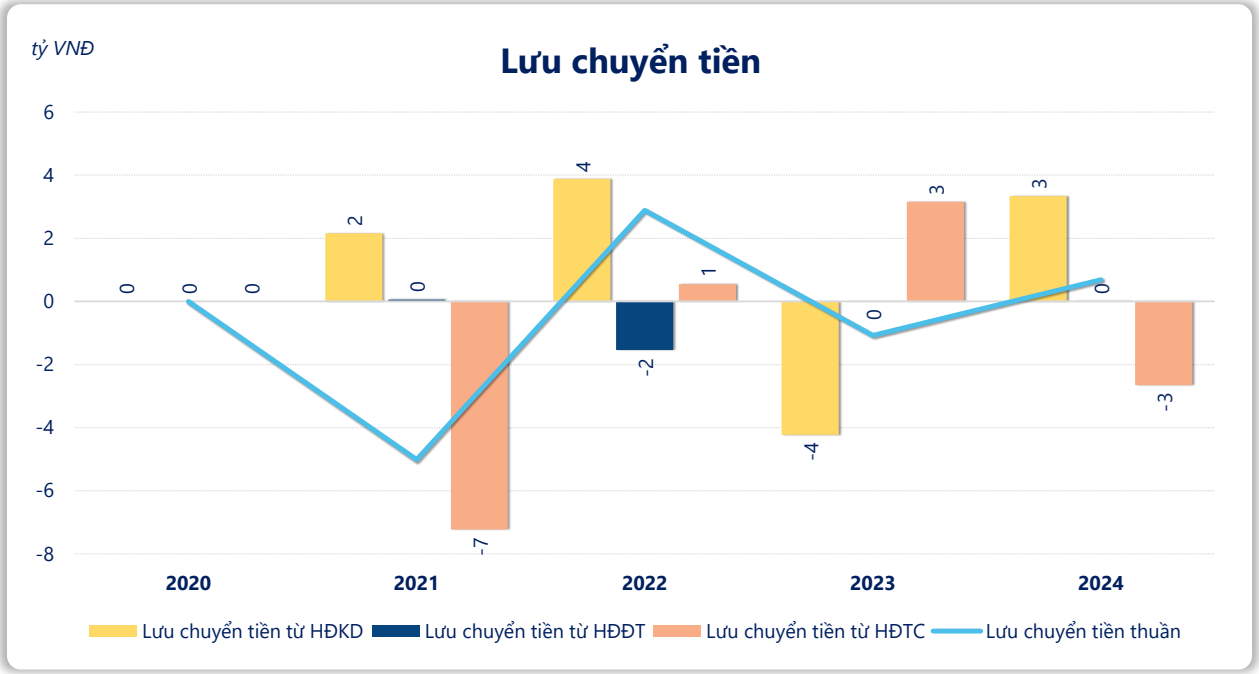
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.72** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **7.75** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.03** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VIM năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **4.19%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**88.7**	**102**	**84.0**	**76.8**	**65.9**
Giá vốn hàng bán	70.9	86.4	70.9	63.9	55.8
Lợi nhuận gộp	**17.8**	**15.9**	**13.1**	**12.9**	**10.1**
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.64	0.52	0.32	0.38	0.72
Chi phí lãi vay	**0.64**	**0.52**	**0.32**	**0.38**	**0.72**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.90	1.92	1.95	1.35	1.40
Chi phí QLDN	9.86	6.75	5.70	7.26	6.35
LN thuần từ HĐKD	**5.44**	**6.73**	**5.13**	**3.92**	**1.58**
Lợi nhuận khác	-0.19	0.00	-0.11	-0.09	-0.01
LN trước thuế	**5.25**	**6.73**	**5.01**	**3.84**	**1.57**
Lợi nhuận sau thuế	**4.14**	**5.49**	**3.63**	**2.98**	**0.99**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.14**	**5.49**	**3.63**	**2.98**	**0.99**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VIM bằng **0.68** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1.08 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **3.33** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.00** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-2.65** tỷ đồng.